

Bản án số: 21/2023/HNGĐ-PT

Ngày: 18/12/2023

V/v: *Tranh chấp ly hôn và nuôi con.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Sinh

Các Thẩm phán: Ông Hà Viết Toàn và ông Nguyễn Tiến Sỹ.

Thư ký phiên tòa: Bà Thái Thị Mỹ Nga-Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai: Ông Hoàng Văn Hạnh - Kiểm sát viên tham gia Phiên tòa.

Ngày 18 tháng 12 năm 2023, tại Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 27/2023/TLPT-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2023 về “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*”.

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 93/2023/HNGĐ-ST ngày 07 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 27/2023/QĐ-PT ngày 07 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Vũ Thị N; Địa chỉ: A, phố Đ, phường T, thành phố H, tỉnh H. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Trung K; Địa chỉ: L, Tổ E, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

Người kháng cáo: Bị đơn chị Vũ Thị N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo bản án sơ thẩm thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyên đơn chị Vũ Thị N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Trung K tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố H vào ngày 06/3/2014. Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, không hòa hợp, không tìm được tiếng nói chung nguyên nhân do anh K không lo làm ăn, hay nghỉ làm việc, tự ý vay mượn bên ngoài để chi tiêu cá nhân. Chị và anh K đã ly thân từ tháng 4 năm 2023, hiện chị không còn tình cảm với anh K nữa nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với anh Nguyễn Trung K.

- Về con chung: Chị và anh K có hai con chung là cháu Nguyễn Trung D, sinh ngày 04/10/2015 và Nguyễn Vũ Mai P, sinh ngày 15/3/2019. Hiện chị đang mang thai hơn 07 tháng. Ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc và nuôi một trong hai con: cháu D hoặc cháu P, không yêu cầu anh K có trách nhiệm với thai nhi chị đang mang vì lý do riêng.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị không yêu cầu anh K phải cấp dưỡng nuôi con vì thu nhập cũng đủ để sinh sống từ việc chia sẻ quảng cáo trên tiktok, khi nuôi con sẽ có sự

giúp đỡ của gia đình chị. Hiện chị có thai nên chỉ làm những việc nhẹ, trên điện thoại, sau khi sinh con chị sẽ tìm việc làm và sẽ đủ điều kiện để nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị và anh K không có tài sản và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Trung K trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Việc kết hôn như chị Vũ Thị N trình bày là đúng, về mâu thuẫn vợ chồng có cãi nhau là do chị N ngoại tình, chỉ tiêu tự tiện, không có ý kiến của anh. Chị N đã tự ý bỏ nhà đi từ tháng 4 năm 2023 và đã có thai với người khác. Gia đình và anh đã khuyên chị N về nhà để cùng chăm con nhưng chị N không nghe, vẫn cương quyết ly hôn nên anh đồng ý ly hôn với chị Vũ Thị N.

- Về con chung: Anh và chị Vũ Thị N có hai con chung là Nguyễn Trung D, sinh ngày 04/10/2015 và Nguyễn Vũ Mai P, sinh ngày 15/3/2019. Hiện cả hai con đều sinh sống với anh từ khi chị N bỏ đi. Ly hôn anh yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con. Vì hai con đang ổn định chỗ ăn, học. Và hiện chị N đang mang thai, sắp sinh con, sức khỏe yếu, không có việc làm, thu nhập, không đảm bảo điều kiện để chăm con.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Anh không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con vì anh có việc làm, thu nhập ổn định, đủ khả năng chăm sóc và nuôi dưỡng con hai con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh và chị N không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Giải quyết của tòa án cấp sơ thẩm:

Tại bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 93/2023/HNGĐ-ST ngày 07 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai đã quyết định:

- Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng: Điều 51, Điều 55, Điều 56, Điều 58 Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Căn cứ Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH 14 về án phí, lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14;

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị N về yêu cầu ly hôn, nuôi con khi ly hôn đối với anh Nguyễn Trung K:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị N được ly hôn anh Nguyễn Trung K.

- Về con chung: Giao hai con chung là Nguyễn Trung D, sinh ngày 04/10/2015 và Nguyễn Vũ Mai P, sinh ngày 15/3/2019 cho anh Nguyễn Trung K trực tiếp chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Vũ Thị N và anh Nguyễn Trung K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên quyền và nghĩa vụ về nuôi con chung, nộp án phí, quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

3. Về kháng cáo, kháng nghị:

- Ngày 19 tháng 9 năm 2023, nguyên đơn chị Vũ Thị N có đơn kháng cáo yêu cầu sửa bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 93/2023/HNGĐ-ST ngày 07 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai về phần con chung với lý do Tòa án cấp sơ thẩm tuyên giao cả 02 con chung cho anh Nguyễn Trung K chăm sóc,

nuôi dưỡng đã ảnh hưởng đến quyền lợi của các con. Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho chị N được trực tiếp nuôi dưỡng ít nhất một trong hai con chung sau khi ly hôn.

- Bị đơn anh Nguyễn Trung K không kháng cáo.
- Bản án không bị kháng nghị.

4. Diễn biến phiên tòa:

- Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện và giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.
- Bị đơn đề nghị cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án của cấp sơ thẩm.
- Các đương sự không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ mới, và không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án;
- Kiểm sát viên có quan điểm: Chị Vũ Thị N kháng cáo nhưng không có tình tiết mới để xem xét chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Buộc chị Vũ Thị N chịu án phí phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ tranh chấp. Quá trình giải quyết vụ án đưa đầy đủ và xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng.

[2] Về quan hệ hôn nhân, tài sản chung và nợ chung không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Xét kháng cáo của nguyên đơn chị Vũ Thị N về việc đề nghị Hội đồng xét xử giao cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng ít nhất một trong hai con chung sau khi ly hôn, thấy rằng:

Chị Vũ Thị N và anh Nguyễn Trung K có 2 con chung là cháu Nguyễn Trung D, sinh ngày 04/10/2015 và Nguyễn Vũ Mai P, sinh ngày 15/3/2019. Xét về điều kiện nuôi con thì chị N đang làm công việc chia sẻ quảng cáo trên mạng tiktok thu nhập không ổn định; hiện chị N mới sinh con thứ 3 chỉ hơn 01 tháng tuổi phải về nhà mẹ đẻ ở tại H để sinh sống, điều kiện trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con của chị N là rất khó khăn.

Anh K hiện đang làm việc tại Công ty ga M, có mức thu nhập ổn định. hiện anh đang ở nhà tại L, tổ A, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Từ khi anh chị sống ly thân tháng 4/2023, chị N về quê sinh sống cho đến nay 2 con chung là cháu D và cháu P luôn ở cùng anh K và ông bà Nội trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Cả 2 cháu hiện đang sinh sống và học tập ổn định tại địa bàn thành phố P. Xét thấy, anh K có khả năng đảm bảo chăm sóc, nuôi dưỡng các con hơn chị N. Tòa sơ thẩm giao các con chung cháu D và cháu P cho anh K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp. Nếu sau này chị N có đủ điều kiện nuôi con thì sẽ yêu cầu thay đổi việc nuôi con theo quy định.

Tại cấp phúc thẩm không phát sinh tình tiết mới, nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của chị Vũ Thị N, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Do kháng cáo không được chấp nhận chị N phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lý trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

1. Không chấp nhận kháng cáo của chị Vũ Thị N. Giữ nguyên bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 93/2023/HNGĐ-ST ngày 07 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân

thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai về “*Ly hôn và tranh chấp về nuôi con*” giữa nguyên đơn chị Vũ Thị N và anh Nguyễn Trung K.

2. Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án:

Chị Vũ Thị N phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được khấu trừ số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã tạm nộp tại biên lai số 0001280 ngày 22/9/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai. Chị Vũ Thị N đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Gia Lai;
- VKSND thành phố Pleiku;
- TAND thành phố Pleiku;
- Chi cục THADS thành phố Pleiku;
- Các đương sự;
- Lưu Tòa GD&NCTN, HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Sinh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
CÁC THẨM PHÁN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

1. Giữ nguyên bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 93/2023/HNGĐ-ST ngày 07 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai về “*Ly hôn và tranh chấp về nuôi con*” giữa nguyên đơn chị Vũ Thị N và chị Nguyễn Trung D.

2. Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án:

Chị Vũ Thị N phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm được khấu trừ số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã tạm nộp tại biên lai số 0001280 ngày 22/9/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai. Chị Vũ Thị N đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Biên bản được đọc cho các thành viên hội đồng xét xử cùng nghe, biểu quyết đồng ý 3/3 = 100%.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA